

XI MĂNG & VẬT LIỆU XÂY DỰNG

CEMENT & BUILDING MATERIALS NEWS



TRONG SỐ NÀY

TỔNG QUAN	3
Các chỉ số kinh tế vĩ mô	3
Tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	3
Sản xuất và vận hành	4
Tiêu điểm trong tháng	4
CHUYỂN ĐỘNG NGÀNH & DN	6
Chuyển động quốc tế	6
Bối cảnh thị trường trong nước	6
Điểm nhấn doanh nghiệp	7
Xu hướng nổi bật của ngành	7
BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG	8
Nhận định - xu hướng	8
Chính sách - quy hoạch	9
Biến động giá nguyên nhiên VL	9
Biến động giá VLXD	10
Phân tích tác động	10
NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO	11
Tín hiệu thị trường	11
Trụ đỡ chính và yếu tố hỗ trợ	11
Cơ hội và thách thức	11
Áp lực và triển vọng	12
KẾT NỐI ĐỘC GIẢ	12
Hỏi đáp?	12
Bạn có biết?	13

Xi măng Việt Nam - Xây dựng tương lai

Xuất bản hàng tháng

**THƯ VIỆN SỐ VỚI 5.000
TÀI LIỆU CHUYÊN NGÀNH**



Tài liệu kỹ thuật – Quy trình vận hành



Báo cáo thị trường xi măng theo tháng, quý, năm



Tiêu chuẩn – Quy chuẩn ngành



Thông báo giá xi măng và VLXD



Các ấn phẩm xuất bản trong và ngoài nước



Cơ sở lý thuyết – Giáo trình chuyên ngành

01

Hệ thống dây chuyền sản xuất clinker và Trạm nghiền

02

Thông tin doanh nghiệp ngành

03

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng hàng tháng

04

Biến động giá xi măng trên cả nước

05

Xuất khẩu xi măng sang các thị trường

**DỮ LIỆU
THỊ TRƯỜNG
TRONG 20 NĂM
GẦN ĐÂY**



QUÉT MÃ QR
ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN CEM.DATA

TỔNG QUAN

Các chỉ số kinh tế vĩ mô

Kinh tế 7 tháng đầu năm tiếp tục mở rộng, với sản xuất công nghiệp, đầu tư và thương mại cùng tăng. Đây là nền cầu thuận lợi cho xi măng và vật liệu xây dựng; rủi ro chính vẫn là giá đầu vào và tốc độ giải ngân, chuyển vốn thành khối lượng thi công. [\[Xem thêm\]](#)

Chỉ số IIP 7 tháng tăng 11,4%; riêng ngành chế biến, chế tạo tăng 12,0%. Nhu cầu xây dựng nhà xưởng, kho bãi và hạ tầng kỹ thuật, vì vậy tiếp tục duy trì vai trò bệ đỡ cho thị trường vật liệu xây dựng.

7 tháng, vốn FDI đăng ký đạt 38,06 tỷ USD, tăng 58,0%; vốn thực hiện đạt 15,20 tỷ USD, tăng 11,8%. Vốn đầu tư phát triển thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) đạt 445,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,4%, so với cùng kỳ.

Bảng tổng hợp chỉ số kinh tế vĩ mô 7 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ năm trước - YOY)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	YOY,%
1	Chỉ số SXCN (IIP)	—	+11,4%
2	CPI bình quân	—	+4,39%
3	FDI đăng ký	38,06 tỷ USD	+58,0%
4	FDI thực hiện	15,20 tỷ USD	+11,8%
5	Vốn đầu tư từ nguồn NSNN	445,5 nghìn tỷ đồng	+18,4%
6	Tổng kim ngạch XNK	659,58 tỷ USD	+28,1%
6a	Xuất khẩu	319,53 tỷ USD	+21,7%
6b	Nhập khẩu	340,05 tỷ USD	+34,8%
7	Nhập siêu	20,52 tỷ USD	—

CPI bình quân 7 tháng tăng 4,39%. Riêng tháng 7, CPI giảm 0,12% so với tháng trước nhưng vẫn cao hơn 4,45% so với cùng kỳ, cho thấy áp lực giá chưa giảm đồng đều mà chỉ là sự tạm lắng giữa các nhóm hàng.

7 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 ĐẦU TƯ CÔNG DUY TRÌ ĐÀ TĂNG

VỐN NSNN ĐÃ THỰC HIỆN

445,5
nghìn tỷ đồng

TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH

39,0%

SO VỚI CÙNG KỲ

+18,4%

TỶ LỆ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM

39,0% đã thực hiện

61,0% kế hoạch còn lại

Hàm ý thị trường

Dư địa vốn còn lớn; cầu VLXD phụ thuộc khối lượng thi công và tiến độ nghiệm thu.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 7 tháng đạt 659,58 tỷ USD; xuất khẩu 319,53 tỷ USD và nhập khẩu 340,05 tỷ USD. Cán cân thương mại nhập siêu 20,52 tỷ USD.

Điều này có nghĩa lĩnh vực hạ tầng, công nghiệp và FDI tiếp tục tạo lực cầu, nhưng doanh nghiệp nên bám từng công trình về tiến độ nghiệm thu, giải ngân và nhu cầu từng vùng thay vì căn cứ vào kế hoạch vốn toàn quốc.

Tiêu thụ nội địa và xuất khẩu

Tháng 07/2026, sản xuất xi măng đạt 12,11 triệu tấn; tổng tiêu thụ đạt 11,30 triệu tấn. So với tháng 6, hai chỉ tiêu tăng lần lượt 14% và 8% (MoM); so với cùng kỳ tăng 25% và 23% (YoY). [\[Xem thêm\]](#)

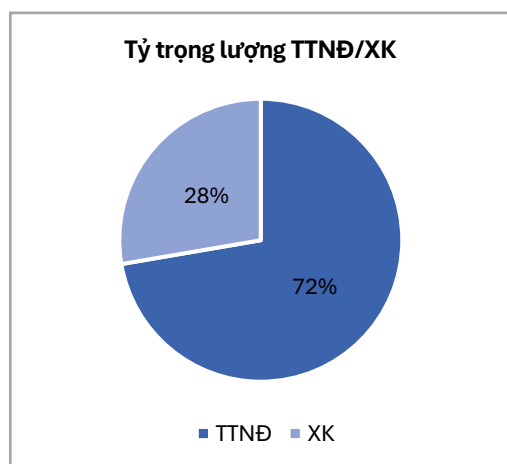
Tiêu thụ nội địa đạt 8,17 triệu tấn, tăng 9% theo tháng và 33% theo năm, chiếm 72,3% tổng tiêu thụ. Lũy kế 7 tháng, thị trường trong nước đạt 49,74 triệu tấn, tăng khá so với 2025. [\[Xem thêm\]](#)

Xuất khẩu xi măng và clinker đạt 3,13 triệu tấn, gồm 1,92 triệu tấn xi măng và 1,21 triệu tấn clinker. Giá trị xuất khẩu đạt 120,48 triệu USD, tương đương 38,50 USD/tấn.

Bảng tổng hợp sản xuất, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu xi măng tháng 07/2026

STT	Chỉ tiêu	Sản lượng (triệu tấn)	MOM, %
1	Sản xuất xi măng	12,11	+14%
2	Tổng tiêu thụ	11,30	+8%
3	Tiêu thụ nội địa	8,17	+9%
4	XK xi măng, clinker	3,13	+7%
4a	Xi măng XK	1,92	+7%
4b	Clinker XK	1,21	+7%

Lũy kế 7 tháng, tổng tiêu thụ đạt 72,28 triệu tấn.



Sản xuất và vận hành

Nguồn cung mới: ngày 19/7, Nhà máy Xi măng Liên Khê thuộc Công ty CP xi măng Bạch Đằng (Thủy Nguyên, Hải Phòng) chính thức vận hành dây chuyền 3.500 tấn clinker/ngày, tương đương khoảng 1,5-1,7 triệu tấn xi măng/năm. Dây chuyền định hướng tiếp tục triển khai WHR, thu hồi bụi và sử dụng rác thải làm nguyên - nhiên liệu thay thế. [\[Xem thêm\]](#)

Nhiên liệu thay thế: Xi măng Đồng Lâm triển khai dự án EPC đầu tư xây dựng hệ thống Co-Pro nhằm thay thế tối đa 30% than cám cho lò nung clinker. Giá trị của việc vận hành hệ thống Co-Pro nằm ở chuỗi đồng bộ từ tiếp nhận, tiền xử lý đến cấp liệu ổn định, thay vì chỉ tăng lượng chất thải, rác thải đưa vào lò. [\[Xem thêm\]](#)

Năng lượng tận thu và tái tạo: WHR và điện mặt trời tiếp tục chứng minh hiệu quả cho các nhà máy đầu tư, ứng dụng. Trong 6 tháng đầu năm, VICEM phát 98,1 triệu kWh từ các hệ thống tận dụng nhiệt dư WHR; riêng VICEM Hoàng Mai vận hành WHR bình quân 5,8 MW và duy trì tỷ lệ thay thế nhiệt 36,58%, ở mức rất cao. [\[Xem thêm\]](#)

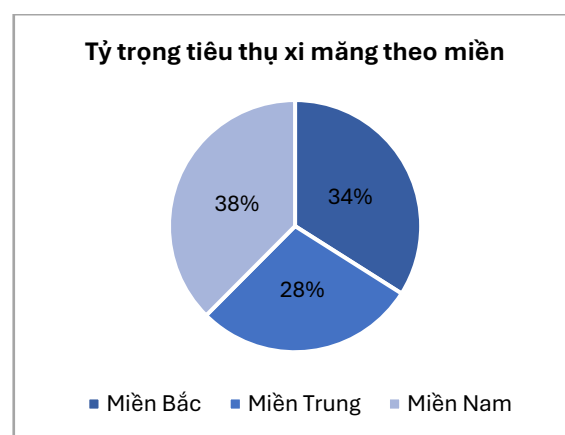
Ưu tiên vận hành tháng 8: Lập lịch chạy lò theo kế hoạch đơn hàng; tận dụng kỳ dừng lò để bảo dưỡng; theo dõi chặt chẽ tồn kho, chỉ số điện kWh/tấn và chỉ số tiêu hao kcal/kg clinker; kiểm soát clo - lưu huỳnh khi tăng lượng nhiên liệu thay thế; đồng thời giữ ổn định chất lượng sản phẩm khi tải lò thay đổi.

Tiêu điểm trong tháng

Tiêu điểm tháng 7 là **cầu nội địa tăng khá bất thường** do sức ép giải ngân đầu tư công để duy trì tăng trưởng 2 con số trong năm 2026. Sau 6 tháng không được như kỳ vọng, tăng trưởng diễn ra ở cả ba miền, giúp đà phục hồi cân bằng hơn và giảm phụ thuộc tương đối vào xuất khẩu.

[\[Xem thêm\]](#)

Miền Nam tăng nhanh nhất và dẫn đầu so với cùng kỳ (+38%), tiếp đến miền Trung (+32%) và miền Bắc (+27%). Tốc độ khác nhau do tính thời điểm của dự án, đòi hỏi chính sách quản lý tồn kho, tuyến vận tải và giá giao hàng theo vùng một cách hợp lý.



Xuất khẩu có cơ cấu 61% xi măng và 39% clinker. Mỹ, Philippines, Bangladesh và Malaysia vẫn là các thị trường chính tạo nên sản lượng ổn định; phần còn lại phân tán ở nhiều nước khác nhau và có sự biến động. [\[Xem thêm\]](#)

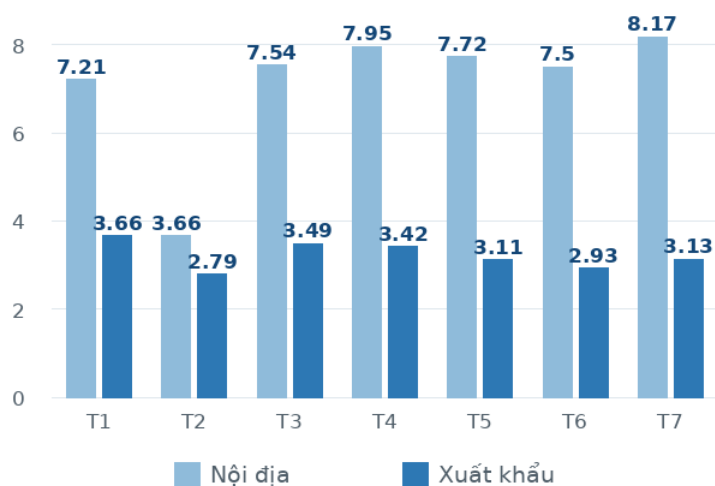
Về nhân sự ngành, sau một thời gian dài (2 năm), trong điều kiện vận hành chưa có Tổng Giám đốc, ngày 12/8 vừa qua VICEM bổ nhiệm ông Đỗ Tiến Trình (Nguyên TGD Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn) giữ chức Quyền Tổng giám đốc. Sau khi được Bộ Xây dựng giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026, VICEM quyết tâm chuyển trọng tâm quản trị mới gắn với tái cơ cấu, hiệu quả tài sản và chuyển đổi xanh. [\[Xem thêm\]](#)

Thiếu và khan hiếm một số loại vật liệu xây dựng, như cát - đá tiếp tục là điểm nghẽn tại nhiều địa phương; thép giữ mặt bằng tương đối ổn định; vật liệu tái chế và vật liệu thay thế bắt đầu có hành lang pháp lý ứng dụng rõ hơn.

[\[Xem thêm\]](#)

TIÊU THỤ NỘI ĐỊA & XUẤT KHẨU • 7T/2026

triệu tấn



CƠ CẤU SẢN XUẤT THÁNG 7

Tổng: 12,11 triệu tấn



- VICEMs 20% • 2,42 tr.t
- Vốn NNG 19% • 2,27 tr.t
- Tập đoàn 61% • 7,42 tr.t

NNG: FDI + DN có vốn nước ngoài (kể cả sau mua cổ phần).

CHUYỂN ĐỘNG NGÀNH & DOANH NGHIỆP

Chuyển động quốc tế

Thị trường xi măng toàn cầu tháng 8 cho thấy hai xu hướng song song: nhu cầu yếu tại một số thị trường lớn làm tăng cạnh tranh xuất khẩu, trong khi các tập đoàn đẩy nhanh công nghệ giảm phát thải carbon, sử dụng nhiên liệu thay thế và tối ưu các danh mục tài sản. [\[Xem thêm\]](#)

Trung Quốc sản xuất khoảng 860 triệu tấn xi măng trong 7 tháng, giảm 9% so với cùng kỳ. Bất động sản tại quốc gia này trầm lắng kéo dài khiến nhu cầu nội địa yếu nên các doanh nghiệp chuyển sang chú trọng xuất khẩu và kiểm soát công suất thận trọng. [\[Xem thêm\]](#)

Trong 6 tháng đầu năm, Trung Quốc đã xuất khẩu khoảng 4,1 triệu tấn xi măng, tăng 54%, cùng với đó là 9,4 triệu tấn clinker. Sự dịch chuyển này có thể làm cạnh tranh tại châu Á gay gắt hơn dù quy mô xuất khẩu của Trung Quốc còn nhỏ so với tổng sản lượng chung, nhưng là đáng kể so với các quốc gia khác.

Xuất khẩu clinker của Thổ Nhĩ Kỳ tháng 6 đạt 864.800 tấn, tăng 42% so với cùng kỳ; tuy vậy lũy kế 6 tháng còn 3,26 triệu tấn, giảm 20%, cũng là chỉ báo quan trọng. Diễn biến trái chiều cho thấy dòng chảy thương mại có thể đảo nhanh theo giá và tuyến vận tải, do những bất ổn địa chính trị. [\[Xem thêm\]](#)

Các công ty công nghệ tiếp tục phát triển giải pháp thu giữ carbon. Holcim UAE thử nghiệm thu giữ và khoáng hóa 4-4,5 tấn CO₂/ngày bằng đá siêu mafic. Chương trình kéo dài 6 tháng, khởi động giữa tháng 7, nhằm kiểm chứng khả năng lưu giữ carbon bền vững ngay tại khu vực nhà máy. [\[Xem thêm\]](#)

Tỷ lệ thay thế nhiệt bằng nhiên liệu từ rác thải có nhiệt trị của ngành xi măng Ấn Độ vẫn dưới 5%, so với mức trên 50% tại nhiều nước châu Âu. Khoảng cách này cho thấy dư địa lớn nhưng phụ thuộc lớn vào chiến lược, chính sách; bên cạnh chuỗi thu gom, tiền xử lý và tiêu chuẩn đồng xử lý. [\[Xem thêm\]](#)

Các báo cáo bán niên vừa công bố cho thấy các tập đoàn xi măng toàn cầu đang phân bổ vốn chọn lọc hơn: ưu tiên thị trường có biên lợi nhuận tốt, thoái vốn khỏi các doanh nghiệp sử dụng tài sản kém hiệu quả và tăng đầu tư phát triển vào sản phẩm ít carbon, số hóa quản trị và tiết kiệm năng lượng.

Về giá nhiên liệu, mốc tham chiếu ngày 22/6 cho thấy petcoke 6,5% lưu huỳnh có giá FOB khoảng 73 USD/tấn, thấp hơn khá nhiều so với than API4 có giá khoảng 106 USD/tấn. Chênh lệch giá hấp dẫn nhưng tùy từng trường hợp phải được quy đổi theo nhiệt trị hữu ích và chi phí kiểm soát lưu huỳnh.

Về giảm thải carbon, các dự án ứng dụng đang chuyển dần từ cam kết sang thử nghiệm vận hành có kiểm chứng. Tuy nhiên, tốc độ thương mại hóa vẫn phụ thuộc giá carbon, vốn đầu tư, hạ tầng vận chuyển - lưu trữ và khả năng chuyển chi phí sang khách hàng. Các nước đang phát triển vẫn đang còn lúng túng trong việc kiện toàn hành lang pháp lý và các hướng dẫn thực thi.

Bối cảnh thị trường trong nước

Thị trường trong nước chuyển từ câu chuyện phục hồi sản lượng tiêu thụ sang bài toán phối hợp và kiểm soát các nguồn cung vật liệu xây dựng. Xi măng có khả năng đáp ứng nhanh hơn, trong khi cát, đá và đất san lấp vẫn bị giới hạn bởi mỏ, thủ tục và cự ly vận chuyển. [\[Xem thêm\]](#)

Trong tiêu thụ nội địa tháng 7, khối VICEM chiếm 26,5%, khối Vốn NNG 21,1% và khối Tập đoàn 52,4%. Cách quản trị hệ thống kênh phân phối, cơ cấu phân tán làm tăng cạnh tranh trong giao hàng và độ phủ các kênh phân phối quan trọng không kém giá xuất xưởng.

Tháng 7, TP Hà Nội yêu cầu ưu tiên tái chế, tái sử dụng lượng khổng lồ chất thải xây dựng thu gom từ loạt dự án giải phóng mặt bằng trong nội đô. Thành phố đã đầu tư dự án xử lý chất thải làm vật liệu xây dựng tại Đông Anh có công suất 2.000 tấn/ngày được yêu cầu khởi công trước 15/8. Đây là tín hiệu quan trọng, tạo đầu ra thể chế cho vật liệu tái chế. [\[Xem thêm\]](#)

Về vật liệu cát biển, tuy Bộ Xây dựng đã ban hành TCCS 49:2025/CĐBVN cho nền đường ô tô, nhưng vẫn gặp e ngại trong triển khai đại trà. Tiêu chuẩn này đã mở thêm nguồn vật liệu cho ĐBSCL nhưng một số nơi không cho phép sử dụng đại trà. Chuyên gia khuyến cáo về thiết kế, môi trường và nguy cơ nhiễm mặn vẫn phải được kiểm soát theo vị trí. [\[Xem thêm\]](#)

Về chính sách, văn bản 8368/VPCP-CN yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số và cơ chế điều phối liên vùng đối với nguồn vật liệu xây dựng thông thường. Hướng tiếp cận này chuyển quản lý từ xử lý thiếu hụt cục bộ sang dự báo cung - cầu trên toàn vùng và cả nước, tạo điều kiện cho lưu thông các sản phẩm vật liệu xây dựng. [\[Xem thêm\]](#)

Quảng Ngãi có tài nguyên nhưng công suất khai thác thực tế chưa theo kịp nhu cầu. Riêng cát xây dựng, công suất được cấp phép chỉ đáp ứng khoảng 36% nhu cầu dự báo năm 2026, cho thấy nút thắt nằm ở khả năng đưa các mỏ vào khai thác sử dụng. [\[Xem thêm\]](#)

Xu hướng Vật liệu xanh đang mở rộng từ các loại sản phẩm cụ thể sang vòng đời của công trình: tái chế phế thải xây dựng, tận dụng tro xỉ, cốt liệu nhiễm mặn và công nghệ cảm biến theo dõi bê tông... đều nhằm đa mục tiêu như giảm sử dụng tài nguyên nguyên khai; giảm phát thải, khép kín vòng đời sản phẩm hoặc tăng tuổi thọ sử dụng.

Giá thép tháng 8 được dự báo tiếp tục ổn định; cập nhật ngày 11/8 cho thấy nhiều thương hiệu phổ biến quanh 14.640-15.120 đồng/kg tùy quy cách và vùng. Do xuất khẩu khó khăn, nên các Doanh nghiệp thép quay về thị trường nội địa, giúp nguồn cung dồi dào và đáp ứng tốt. Nhà thầu vẫn cần đối chiếu giá tại thời điểm chốt đơn. [\[Xem thêm\]](#)

Điểm nhấn doanh nghiệp

Theo Báo cáo tổng kết hoạt động 6 tháng đầu năm, VICEM ghi nhận kết quả 6 tháng cải thiện: tiêu thụ sản phẩm đạt 13,377 triệu tấn, doanh thu tăng 13,3% và lợi nhuận trước thuế 528,7 tỷ đồng, so với khoảng 51 tỷ đồng cùng kỳ. [\[Xem thêm\]](#)

Trong đó, VICEM Hà Tiên đạt doanh thu 6 tháng 4.121 tỷ đồng, tăng 17%; lợi nhuận sau thuế 216 tỷ đồng, tăng 110%. Sản lượng tăng 6,4% và giá bán bình quân tăng 8% hỗ trợ biên lợi nhuận. [\[Xem thêm\]](#)

Riêng VICEM Hoàng Mai đạt hơn 911 tỷ đồng doanh thu và 11,6 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong 7 tháng. Hệ thống đồng xử lý Co-Pro duy trì tỷ lệ thay thế nhiệt 36,58% và hệ thống phát điện nhiệt dư WHR duy trì bình quân 5,8 MW. [\[Xem thêm\]](#)

VICEM Hoàng Thạch ghi nhận lợi nhuận 6 tháng tăng gần gấp đôi. Kết quả củng cố nhận định rằng kiểm soát chi phí và nâng hiệu suất có thể chuyển đà phục hồi nhu cầu thành cải thiện lợi nhuận rõ hơn. [\[Xem thêm\]](#)

Trong 6 tháng, các hệ thống WHR toàn VICEM đã phát 98,1 triệu kWh điện từ nhiệt dư, giúp giảm 66.352 tấn CO₂; sản lượng điện mặt trời đạt 5,8 triệu kWh, giảm thêm 3.948 tấn CO₂. Đây là hiệu quả có thể đo đếm của việc đầu tư cho cải tạo năng lượng.

Tháng vừa qua, INSEE Việt Nam bổ sung bốn silo tại trạm xi măng Cần Thơ, tăng sức chứa thêm 1.000 tấn lên tổng 1.600 tấn. Việc này đã làm tăng sức cạnh tranh của hệ thống kênh phân phối của công ty này, nâng cấp các điểm Hub mạng lưới sản phẩm, tăng tính linh hoạt giao hàng và năng lực phục vụ thị trường Tây Nam Bộ. [\[Xem thêm\]](#)

Bức tranh doanh nghiệp đã tích cực hơn so với cùng kỳ nhưng bị phân hóa mạnh. Nhóm có thị trường nội địa tốt, cải tiến hệ thống phân phối, giảm suất tiêu hao năng lượng và kiểm soát tốt vốn lưu động đang phục hồi nhanh hơn nhóm tăng doanh thu chủ yếu bằng sản lượng.

Xu hướng nổi bật của ngành

Thàng vừa qua, ngành vẫn tiếp tục duy trì các hướng công nghệ nổi bật của năm 2026, bao gồm: thúc đẩy đồng xử lý sử dụng nhiên liệu thay thế, quản trị phát thải carbon, giảm tỷ lệ clinker, AI, quản trị năng lượng và thu thập nền dữ liệu vận hành. Điểm chung là chuyển từ các công đoạn rời rạc sang tối ưu toàn dây chuyền. [\[Xem thêm\]](#)

Đốt rác thải làm nhiên liệu chỉ hiệu quả khi rác được tiền xử lý ổn định về độ ẩm, kích thước và đảm bảo nhiệt trị. Chất lượng RDF/SRF quyết định độ ổn định lò, tỷ lệ thay thế nhiệt và chi phí xử lý phát thải. Áp dụng mô phỏng quá trình cháy có thể giúp dự báo vùng nhiệt, thời gian lưu và phân bố oxy trước khi tăng tỷ lệ nhiên liệu thay thế. Công cụ này giúp giảm thử - sai và hỗ trợ kiểm soát chất lượng clinker. [\[Xem thêm\]](#)

Xu hướng nghiên cứu clinker và các vật liệu bổ sung (phụ gia) cho phép tối ưu độ mịn từng cấu tử, qua đó có thể giảm tỷ lệ clinker mà vẫn đảm bảo chất lượng xi măng. Hiệu quả phụ thuộc chất lượng vật liệu và hệ thống phối trộn. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế còn phụ thuộc điều kiện cụ thể của từng dự án, không nên chủ quan áp dụng.

Công nghệ ảnh nhiệt đang được mở rộng từ giám sát vỏ lò nung sang các thiết bị điện, ổ trục, băng tải và các kho chứa. Dữ liệu nhiệt được ghi nhận và quan sát liên tục giúp chuyển việc bảo trì từ việc ứng phó bị động sang dự báo chủ động. [\[Xem thêm\]](#)

Tro xỉ cặn hình thành từ các lò đốt rác có thể trở thành nguyên liệu vật liệu xây dựng sau xử lý tái chế. Một nghiên cứu cho thấy khả năng thay thế đến 30% cốt liệu tự nhiên trong gạch bê tông ở điều kiện thử nghiệm. [\[Xem thêm\]](#)

Cảm biến áp điện đa chế độ cho phép theo dõi các đặc tính động của bê tông theo thời gian thực bằng phương pháp không phá hủy. Giá trị ứng dụng là cho phép khả năng phát hiện sớm các điểm lỗi làm suy giảm chất lượng kết cấu. [\[Xem thêm\]](#)

Xu hướng đánh giá chỉ tiêu “vật liệu xanh” dần dần đã trở nên thực tế hơn. Thước đo cho các tiêu chí xanh nên chuyển từ 'có dự án xanh' sang các chỉ tiêu vận hành cụ thể như: tiêu thụ điện kWh/tấn, tiêu hao nhiệt kcal/kg clinker, tỷ lệ thay thế nhiệt, hệ số clinker, giờ dừng ngoài kế hoạch và chi phí trên mỗi tấn CO₂ giảm được...

BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Nhận định - xu hướng

Tháng 7 xác nhận sự đảo chiều sau nhịp chững tháng 6, nhưng sản xuất tăng nhanh hơn tiêu thụ. Đây là tín hiệu tích cực cho công suất, đồng thời nhắc doanh nghiệp kiểm soát tồn kho theo từng sản phẩm và kho. Tuy nhiên, không nên coi đây là xu thế bền vững, nhất là trong bối cảnh tháng 8-9 là mùa mưa bão. [\[Xem thêm\]](#)

Nhu cầu các vùng miền có tăng đồng thời nhưng không đồng nhất về cơ cấu công trình. Miền Nam nổi bật về tốc độ tăng do tiến độ đến giai đoạn tập trung, thời tiết tốt hơn; miền Bắc và miền Trung cần theo sát mùa mưa, giai đoạn thi công các dự án hạ tầng và nguồn cung vật liệu san lấp.

Xuất khẩu tuy giúp cân bằng cung - cầu nhưng mức giá clinker FOB bình quân 38,50 USD/tấn vẫn chưa đạt kỳ vọng, đòi hỏi tách hiệu quả theo xi măng, clinker, thị trường và cước tàu. Tăng lượng không mặc nhiên đồng nghĩa với tăng biên lợi nhuận.

Cát tiếp tục khan hiếm và là biến số khó dự toán nhất: Quảng Ngãi chỉ đủ khoảng 36% nhu cầu theo công suất được cấp phép, còn ĐBSCL tiếp tục phải mở rộng thử nghiệm cát biển. Giá đến công trường vì vậy mang tính địa phương rất cao. [\[Xem thêm\]](#)

Thép tương đối ổn định trong đầu tháng 8, giúp giảm một phần rủi ro dự toán. Tuy nhiên, chênh lệch theo thương hiệu, vùng và quy cách vẫn đủ lớn để cần báo giá trực tiếp tránh rủi ro. [\[Xem thêm\]](#)

Về biến động giá, cát và đá đã giữ mặt bằng giá cao hơn; nhựa đường là nhóm giảm rõ. Với nhà thầu, hiệu ứng chi phí phụ thuộc tỷ trọng vật liệu của từng loại công trình hơn là một chỉ số vật liệu xây dựng chung. [\[Xem thêm\]](#)

Kịch bản tháng 8: nhu cầu xi măng duy trì nền tích cực, thép ổn định, cát - đá phân hóa theo mỏ và vận chuyển. Rủi ro biên lợi nhuận tập trung ở điện, nhiên liệu, logistics và vốn lưu động.

Chính sách - quy hoạch

Chính sách tháng 8 tập trung vào ba trục trọng yếu: *điều phối nguồn vật liệu xây dựng, mở rộng kinh tế tuần hoàn trong xây dựng và chuẩn hóa dữ liệu khí nhà kính*. Đây là ba tác động trực tiếp đến nguồn cung, đầu ra cho vật liệu xanh và chi phí tuân thủ. [\[Xem thêm\]](#)

TP Hà Nội sẽ ưu tiên phân loại, tái chế phế thải tại nguồn và sử dụng vật liệu tái chế trong công trình vốn ngân sách. Điều này sẽ tác động tới thị trường vật liệu xây dựng và mức độ ảnh hưởng thời gian tới phụ thuộc vào việc ban hành tiêu chuẩn, định mức, đơn giá và địa điểm tiếp nhận. [\[Xem thêm\]](#)

Chính phủ đã ban hành Quyết định 42/2026/QĐ-TTg cập nhật danh mục cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính, hiệu lực từ 25/9. Doanh nghiệp xi măng cần rà soát ranh giới kiểm kê và luồng phê duyệt dữ liệu theo dây chuyền. [\[Xem thêm\]](#)

Lưu ý, TCCS 49:2025/CĐBVN tạo hành lang kỹ thuật cho cát biển trong nền đường thi công các công trình giao thông. Song, loại vật liệu này chỉ đáp ứng và giải được bài toán thiếu hụt khi đi kèm khảo sát, thiết kế, kiểm soát môi trường và nghiệm thu phù hợp. [\[Xem thêm\]](#)

Đã hình thành cơ chế phối hợp liên vùng trong giải quyết bài toán thiếu vật liệu xây dựng. Điều phối mở liên vùng cần gắn trữ lượng với công suất thực, bến bãi, tải trọng và tiến độ dự án. Cơ sở dữ liệu chỉ có giá trị khi phản ánh được thực tế là các loại vật liệu có thể được giao nhận, không chỉ tài nguyên trên giấy.

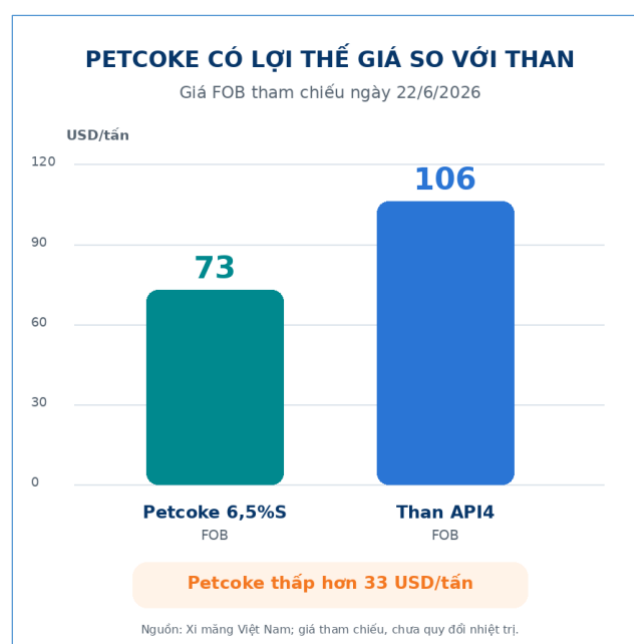
Luật Xây dựng mới và số hóa thủ tục có thể rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án; tuy nhiên cầu vật liệu xây dựng chỉ phát sinh khi có mặt bằng thi công, thiết kế được duyệt và nguồn vật liệu đã sẵn sàng.

Xu hướng chính sách là nâng chuẩn tuân thủ đồng thời tạo thị trường cho vật liệu xanh. Doanh nghiệp cần chuẩn hóa dữ liệu và xin cấp chứng nhận sớm sẽ có lợi thế trong dự án vốn công và chuỗi cung ứng quốc tế.

Biến động giá nguyên nhiên liệu

Giá các loại nguyên, nhiên liệu tháng 7 chưa tạo ra xu hướng giảm chi phí đồng bộ, mặc dù CPI có chiều hướng giảm. Nhiên liệu có một số tín hiệu thuận lợi, nhưng điện, vận tải, phụ tùng và chi phí tài chính vẫn giữ giá thành clinker ở mức cao. [\[Xem thêm\]](#)

Petcoke có 6,5% lưu huỳnh có giá FOB khoảng 73 USD/tấn tại mốc thời điểm ngày 22/6, thấp hơn giá FOB than API4 khoảng 106 USD/tấn. Đây là chỉ báo gần nhất về lợi thế tương đối, không phải báo giá giao ngay cho mọi nhà máy trong tháng 8. [\[Xem thêm\]](#)



Khoảng chiết khấu danh nghĩa phải được quy đổi theo nhiệt trị hữu ích và tổng chi phí sử dụng. Hàm lượng lưu huỳnh, độ ẩm, khả năng nghiền, ảnh hưởng đóng bám và SOx có thể làm thay đổi hoàn toàn phương án tối ưu.

Than vẫn là nhiên liệu nền khá chủ động nhờ nguồn cung độ ổn định và hạ tầng tiếp nhận sẵn có. Rủi ro chính nằm ở giá quốc tế, cước tàu và tỷ giá; doanh nghiệp nên phân kỳ hợp đồng hợp lý thay vì chốt giá cố định một thời điểm duy nhất.

Điện luôn chiếm tỷ trọng khá lớn trong chi phí vận hành. Phát điện nhiệt dư, tối ưu hệ thống quạt - nghiền và quản lý phụ tải tốt có thể giảm điện mua ngoài; hiệu quả nên được đo bằng kWh/tấn sản phẩm và mức độ sẵn sàng từng thiết bị. [\[Xem thêm\]](#)

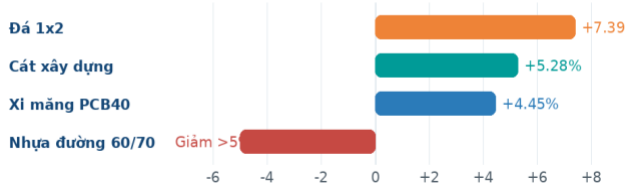
Chiến lược phù hợp nhất là quản trị danh mục các loại nhiên liệu theo giới hạn kỹ thuật và môi trường. Năng lực tiền xử lý, mô phỏng quá trình cháy và kiểm soát chất lượng các loại nguyên nhiên liệu đầu vào giúp nhà máy ứng phó linh hoạt hơn khi giá đầu vào thay đổi.

Biến động giá VLXD

Giá vật liệu xây dựng tháng 7 phân hóa rõ: xi măng, cát và đá có xu hướng tăng; thép chỉ nhích nhẹ cuối tháng; gạch thay đổi theo khu vực; nhựa đường giảm. Biểu đồ dưới đây cho thấy xu hướng biến động, còn bảng giữ nguyên đơn vị gốc của nguồn. [\[Xem thêm\]](#)

HƯỚNG BIẾN ĐỘNG GIÁ VLXD THÁNG 7/2026

Mức thay đổi tham chiếu (%)



Xi măng PCB40 tham chiếu 1,45-2,05 triệu đồng/tấn, tăng khoảng 4,45%. Giá mua thực tế còn phụ thuộc loại bao/rời, chiết khấu, VAT và cự ly giao hàng...

Thép D10 CB300 tham chiếu 15.300-17.800 đồng/kg trong tháng 7; đầu tháng 8, giá nhiều thương hiệu phổ biến ở khoảng quanh 14.640-15.120 đồng/kg tùy vùng địa bàn và quy cách sản phẩm. [\[Xem thêm\]](#)

Bảng giá tham chiếu một số VLXD chủ yếu T7/2026

STT	Vật liệu	Giá tham chiếu	Biến động
1	Xi măng PCB40, đ/tấn	1.450.000 - 2.050.000	Tăng khoảng 4,45%
2	Thép D10 CB300, đ/kg	15.300 - 17.800	Tăng 100 đ/kg cuối tháng
3	Cát xây dựng, đ/m ³	380.000 - 850.000	Tăng khoảng 5,28%
4	Đá xây dựng 1x2, đ/m ³	290.000 - 750.000	Tăng khoảng 7,39%
5	Gạch xây nung, đ/viên	1.500 - 2.700	Phân hóa khu vực
6	Nhựa đường 60/70, đ/kg	15.000 - 23.600	Giảm trên 5%

Giá cát tham chiếu ở khoảng 380.000-850.000 đồng/m³, tăng 5,28%; giá đá 1x2 ở mức 290.000-750.000 đồng/m³, tăng 7,39%. Chênh lệch vùng miền phản ánh nguồn mỏ

tại các khu vực địa phương và cự ly vận chuyển. [\[Xem thêm\]](#)

Gạch nung dao động 1.500-2.700 đồng/viên; nhựa đường 60/70 ở mức 15.000-23.600 đồng/kg, giảm trên 5%. Ở phân khúc mới, bê tông xanh từ tro bay, xỉ và cốt liệu nhiễm mặn đang mở hướng ứng dụng cho hạ tầng ven biển. [\[Xem thêm\]](#)

Vật liệu tuần hoàn không chỉ góp phần làm giảm lượng chất thải mà còn mở thêm nguồn cung nguyên liệu.

Nghiên cứu các nguồn tro xỉ từ lò đốt rác và tái chế phế thải xây dựng cho thấy tiềm năng rất lớn, nhưng cần có pháp lý về tiêu chuẩn chất lượng và mở đường cho thị trường đầu ra ổn định. [\[Xem thêm\]](#)

Lưu ý: khoảng giá là tham chiếu tổng hợp, không phải giá bình quân quốc gia và có thể chưa đồng nhất về chiết khấu, VAT, vận chuyển... Khi lập dự toán cần đối chiếu với công bố giá của địa phương và báo giá cụ thể từ nhà cung cấp khu vực.

Phân tích tác động

Sản xuất tăng nhanh hơn tiêu thụ trong tháng 7 làm tăng yêu cầu kiểm soát tồn kho thực tế. Báo cáo quản trị - điều hành nên tách clinker, xi măng bao, xi măng rời và lượng tồn tại từng điểm của mỗi kho, thay vì chỉ dùng tổng toàn doanh nghiệp, không phản ánh hết bản chất. [\[Xem thêm\]](#)

Nhà sản xuất cần gắn lịch chạy lò với các đơn hàng, công suất lưu kho và kế hoạch bảo trì bảo dưỡng. Mục tiêu là tối ưu chi phí biên nhưng không đánh đổi độ ổn định lò hoặc chất lượng clinker.

Chủ đầu tư các dự án và nhà thầu xây dựng nên chốt các nguồn cát - đá theo từng mỏ cụ thể, điểm giao nhận và tải trọng khi vận chuyển; đồng thời chuẩn bị thêm phương án sử dụng cát biển thay thế hoặc vật liệu tái chế tại các khu vực, vị trí đủ điều kiện kỹ thuật. [\[Xem thêm\]](#)

Nhà cung cấp vật liệu xây dựng cần chuyển từ báo giá đơn lẻ sang hình thức cung cấp gói dữ liệu cho việc giao hàng: giá tại điểm nhận, năng lực cấp theo ngày, chứng chỉ chất lượng và dấu vết nguồn gốc. Đây là yếu tố giúp giảm rủi ro tiến độ và người mua chủ động hơn.

Tác động tổng hợp: cạnh tranh đã chuyển từ giá xuất xưởng đơn lẻ sang chi phí tổng hợp toàn chuỗi và mức độ tin cậy khi nhận đơn và giao hàng. Dữ liệu giao dịch cần đầy đủ, theo loại sản phẩm, địa chỉ vùng - địa bàn và thông tin khách hàng trở thành công cụ ra quyết định quan trọng.

NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO

Tín hiệu thị trường

Tín hiệu thuận lợi: cầu nội địa tăng mạnh hơn xuất khẩu và cả ba miền cùng tăng. Điều này giảm rủi ro khi thị trường phục hồi chỉ tập trung ở một kênh hoặc một khu vực. [\[Xem thêm\]](#)

Tín hiệu cần theo dõi: sản xuất tăng nhanh hơn bán hàng, tồn kho lớn, giá vốn còn cao và nguồn đá - cát còn thiếu cục bộ một số nơi. Ba yếu tố này nếu không quản trị tốt có thể nhanh chóng chuyển thành áp lực tồn kho, tăng chi phí biên và ảnh hưởng tiến độ.

Chỉ báo sớm cho tháng 8-9 gồm: số ngày tồn kho, đơn hàng xi măng rời, giá giao cát - đá, tiến độ nghiệm thu và chênh lệch giá petcoke - than sau quy đổi nhiệt trị.

Tín hiệu công nghệ tích cực là các dự án WHR, đồng xử lý nhiên liệu thay thế và vật liệu tuần hoàn... đang dần chuyển sang giai đoạn vận hành hoặc thử nghiệm. Hiệu quả cần được lượng hóa, đo đếm bằng dữ liệu thực tế.

Một tháng 7 tiêu thụ tốt, có yếu tố hơi bất thường chưa đủ xác nhận chu kỳ tăng bền vững. Nhất là tháng 8 – 9 vào chu kỳ mưa bão và là thời điểm mùa mưa ngâu của tháng 7 âm lịch hàng năm.

Chỉ báo cần theo dõi trong tháng 8-9 là thời tiết vùng có dự án, khối lượng thi công thực tế, vòng quay tồn kho tại trạm phân phối và giá trị đơn hàng sau chi phí logistics.

Kịch bản cơ sở cần theo dõi: cầu cao hơn cùng kỳ nhưng dao động theo tiến độ thi công và địa bàn; các dự án hạ tầng và công nghiệp là hút vật liệu xây dựng theo thời điểm; còn yếu tố thời tiết, nguồn cát đá và vốn lưu động là biến số dễ phân hóa, cần có dự phòng rủi ro. [\[Xem thêm\]](#)

Trụ đỡ chính và yếu tố hỗ trợ

Đầu tư công vẫn là yếu tố hỗ trợ cầu lớn nhất khi vốn chuyển thành khối lượng nghiệm thu. Các tuyến cao tốc, đường vành đai (HN và TPHCM), sân bay và cảng là nhóm dự án có cường độ thu hút vật liệu xây dựng cao. [\[Xem thêm\]](#)

Khu vực FDI thực hiện tăng 11,8%, hỗ trợ nhà máy, khu công nghiệp và logistics. Phân khúc này ưu tiên tiến độ, chất lượng, chứng chỉ môi trường và khả năng truy xuất dữ liệu. [\[Xem thêm\]](#)

Mạng lưới các kênh phân phối cung ứng nội địa là trụ cột xương sống: trạm nghiền và phân phối, kho trung chuyển, đội xe vận tải đường bộ và đội tàu đường thủy... quyết định khả năng chuyển sản lượng thành doanh thu ở từng vùng địa bàn.

WHR và Co-Pro nhiên liệu thay thế là hai đòn bẩy chi phí có thể đo đếm hiệu quả chi phí, giúp tăng biên lợi nhuận. Kết quả của VICEM cho thấy giá trị hiệu quả chỉ xuất hiện khi hệ thống chạy ổn định và chỉ tiêu năng lượng được đưa vào quản trị và theo dõi liên tục. [\[Xem thêm\]](#)

Danh mục kiểm kê khí nhà kính mới tạo động lực chuẩn hóa dữ liệu. Nền dữ liệu tốt giúp xếp hạng các cơ sở sản xuất theo chi phí giảm phát thải và chuẩn bị cho cơ chế hạn ngạch. [\[Xem thêm\]](#)

Cơ hội và thách thức

Cơ hội thị trường nằm ở các gói cung ứng dài hạn cho khu vực hạ tầng và công nghiệp; cơ hội cho các chủng loại vật liệu xây dựng mới nằm ở vật liệu tái chế, cát biển có kiểm soát, gạch bê tông và bê tông xanh. [\[Xem thêm\]](#)

Cơ hội công nghệ tập trung vào WHR, Co-Processing đi kèm tiền xử lý RDF/SRF, tối ưu vận hành thông qua các giải pháp như mô phỏng cháy, nghiền riêng và bảo trì dự báo. Đây là nhóm giải pháp có thể triển khai trước các công nghệ thu giữ carbon quy mô lớn. [\[Xem thêm\]](#)

Thách thức lớn trong cấu trúc thị trường vẫn là dư công suất. Dây chuyền mới chỉ tạo ra giá trị lợi nhuận nếu gắn với thị trường, logistics và hiệu suất vận hành; mở rộng

công suất thuần túy có thể làm cạnh tranh giá gay gắt hơn, tạo áp lực bóp méo làm mất cân bằng thị trường.

Rủi ro xuất khẩu đến từ hàng rào bảo hộ, bất ổn địa chính trị, yếu tố carbon và khả năng lưu thông dòng hàng châu Á. Xuất khẩu Trung Quốc tăng trong bối cảnh cầu nội địa nước này giảm là yếu tố cần theo dõi tại các thị trường có cự ly tương đồng. [\[Xem thêm\]](#)

Lợi thế sẽ thuộc về doanh nghiệp kiểm soát các đòn bẩy: tỷ lệ thay thế nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, hiệu suất vận hành lò, hệ số clinker thấp, logistics hiệu quả và dữ liệu carbon; đồng thời có hệ thống kênh phân phối, quản trị thông tin dữ liệu thị trường đủ nhanh để điều chỉnh nhịp sản xuất – tiêu thụ.

Áp lực và triển vọng

Áp lực ngắn hạn cho các nhà sản xuất là tồn kho lớn do chênh lệch giữa tốc độ sản xuất và bán hàng, cùng chi phí điện - nhiên liệu - logistics. Lịch chạy lò nên cập nhật theo tuần và gắn với giới hạn của các kho chứa. [\[Xem thêm\]](#)

Áp lực trung hạn có tính nội tại là vốn đầu tư cho xử lý môi trường, chi phí năng lượng và giảm phát thải carbon. Mỗi dự án cần được đánh giá theo chi phí vòng đời, mức giảm CO₂ có thể xác minh và ảnh hưởng đến chất lượng.

Từ thị trường, áp lực đến từ các yếu tố bên ngoài khó kiểm soát, chỉ có thể nắm bắt và ứng phó. Nguồn cát, đá và đất san lấp có thể làm cầu xi măng thực tế lệch khỏi kế hoạch dự kiến. Yếu tố thủ tục hành chính, quản trị quốc gia còn nhiều bất cập cũng cần được xem xét.

Triển vọng nửa cuối năm nghiêng về cải thiện nhờ chính phủ quyết tâm tăng trưởng kinh tế, khu vực FDI và giải ngân đầu tư công. Tăng trưởng có khả năng tốt hơn ở sản phẩm gắn với hạ tầng, công nghiệp và giao hàng dạng xi măng rời. [\[Xem thêm\]](#)

Khuyến nghị: cần bảo vệ dòng tiền theo đơn hàng; điều độ sản xuất theo tuần; chốt năng lực vận tải ở các tuyến trọng điểm; theo dõi giá cát - đá và tiến độ dự án theo địa

phương và có phương án dự phòng; ưu tiên các dự án – công trình có bộ thông tin dữ liệu đầy đủ, tin cậy.

KẾT NỐI ĐỘC GIẢ

Hỏi đáp?

Hệ thống phát điện tận dụng nhiệt khí thải (WHR) có thể áp dụng cho tất cả nhà máy xi măng?

Không mặc nhiên như vậy. Tiềm năng phát điện phụ thuộc nhiều yếu tố, như lưu lượng và nhiệt độ khí thải, số giờ vận hành, cấu hình lò nung - cooler làm nguội, nhu cầu điện tại chỗ, giá điện và chi phí vốn. Nhà máy chạy không ổn định có thể kéo dài thời gian hoàn vốn. [\[Xem thêm\]](#)

Đánh giá trong dự án FS cần sử dụng đủ bộ dữ liệu chịu tải theo giờ, tổn thất áp suất, nhu cầu nước làm mát, không gian lắp đặt và ảnh hưởng đến quạt hệ thống. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả nên là số kWh điện ròng có thể sử dụng thay thế điện từ lưới của EVN, không phải công suất phát danh định do nhà cung cấp chỉ định.

Cách tiếp cận phù hợp là thực hiện kiểm toán nhiệt, mô phỏng các kịch bản vận hành và thử độ nhạy theo giá điện, số giờ chạy và lãi suất. Phương án chỉ nên triển khai khi vẫn đạt hiệu quả ở kịch bản thận trọng.

Khí từ tháp trao đổi nhiệt (Preheater) và máy làm nguội clinker mang theo lượng nhiệt đáng kể. Hệ thống thu hồi nhiệt thải (WHR) tận dụng dòng khí này để phát điện mà không cần đốt thêm nhiên liệu.

Một hệ thống phù hợp có thể đáp ứng khoảng 25-30% nhu cầu điện của nhà máy. Số kWh Điện ròng thực tế phụ thuộc nhiệt độ khí, số giờ chạy lò, tổn thất và phần điện tự dùng.

Hiện nay, tại VN, để hiệu quả, WHR chủ yếu lắp đặt cho các hệ thống sản xuất tương đối mới, có lò quay công suất lớn hơn 2.500 tpd. Khi đó mới đảm bảo các yếu tố đầu vào ổn định cho hệ thống WHR hoạt động hiệu quả.

Bạn có biết?

Những hệ thống WHR hoạt động sớm nhất trong ngành xi măng Việt Nam

Hiện nay, để giảm phát thải và chi phí sản xuất, với định hướng của Chính phủ, các NMXM mới đồng loạt triển khai các hệ thống phát điện nhiệt dư WHR. Nhưng thực tế, nhiều hệ thống này đã được lắp đặt tại Việt Nam từ khá sớm và hoạt động hiệu quả.

Sau đây là 5 hệ thống WHR sớm nhất của ngành XMVN:

TT	Nhà máy	CS lò	Công suất	Vận hành	Nguồn vốn/tài trợ
1	Xi măng Hà Tiên 2 – Kiên Lương	3.000 tấn/ngày	2,95 MW	2002	Dự án trình diễn do NEDO – Nhật Bản tài trợ; Kawasaki thiết kế và cung cấp thiết bị.
2	Xi măng Công Thanh – line 1	2.500 tấn/ngày	3 MW	2010	Doanh nghiệp đầu tư
3	Holcim VN, nay là INSEE – Hòn Chông	4.000 tấn/ngày	6,3 MW	2012	Holcim Việt Nam đầu tư gần 18 triệu USD. Dự án được đăng ký theo cơ chế CDM
4	Xi măng Chinfon – Hải Phòng	2 × 4.000 = 8.000 tấn/ngày	12,85 MW	2014	Chinfon đầu tư 20,5 triệu USD; Thiết bị/công nghệ từ liên doanh Conch-Kawasaki.
5	Các NMXM Vissai	2.500 – 6.0000 tấn/ngày	20 MW	2016-2018	Chủ đầu tư là The Vissai; Sinoma thực hiện EPC.

Thực tế vừa qua càng minh chứng cho tính hiệu quả của WHR. Trong 6 tháng đầu năm 2026, trong toàn VICEM đã thực hiện phát 98,1 triệu kWh điện từ nhiệt dư, tương ứng giảm được 66.352 tấn CO₂ và chủ động nguồn điện trong sản xuất, giảm chi phí biên.

GIỚI THIỆU CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN - DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, dữ liệu tra cứu và phân tích cho doanh nghiệp xi măng, bê tông và VLXD

- MCR hàng tháng: số liệu sản xuất, tiêu thụ nội địa, xuất khẩu và diễn biến thị trường.
- Exe. Report hàng tháng: Báo cáo tóm lược điều hành, dành cho lãnh đạo.
- QCR hàng quý: số liệu thị trường, xu thế, tăng sức cạnh tranh, biến động giá, chi phí, và triển vọng.
- 6MCR và VNCR: bức tranh toàn ngành theo 6 tháng và cả năm.
- Báo cáo chuyên đề, bộ dữ liệu và phân tích, dự báo theo đơn đặt hàng.
- Tư vấn, khai thác dữ liệu phục vụ kế hoạch sản xuất, bán hàng và đầu tư kinh doanh.

NỀN TẢNG TRA CỨU: [Cem.Data](#) cho dữ liệu xi măng; [Build.Data](#) cho thông tin và dữ liệu VLXD

Để tra cứu thông tin - dữ liệu chi tiết theo từng chỉ tiêu, người dùng có thể truy cập Cem.Data ([cemdata.vn](#)) - nền tảng cơ sở dữ liệu chuyên ngành xi măng, bê tông và VLXD, hỗ trợ phân tích thị trường và hoạch định chiến lược.



➔ **Hãy đăng ký nhận báo cáo hoặc đăng ký thành viên Cem.Data để nhận thông tin cập nhật, có kiểm chứng và đủ chiều sâu cho quyết định kinh doanh.**

CHI TIẾT LIÊN HỆ:

- Ms. Chi (zalo): [0986 947 395](tel:0986947395)
- Hotline: [0913 513 465](tel:0913513465)
- Email: gamma@ximang.vn
- Zalo OA: [Trung tâm Thông tin xi măng Gamma](#)



ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

01

Các nhà sản xuất,
nhà phân phối,
đại lý kinh doanh

02

Nhà thầu xây dựng,
nhà cung cấp thiết bị
vật tư, phụ gia

03

Các nhà đầu tư,
tổ chức quốc tế quan tâm

04

Ngân hàng,
công ty chứng khoán,
tổ chức tài chính

05

Các tổ chức nghiên cứu
thị trường

06

Viện nghiên cứu,
trường Đại học
và các chuyên gia

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Hỗ trợ hoạch định kế hoạch sản xuất và kinh doanh

- Đánh giá xu hướng thị trường, lĩnh vực đầu tư

- Đánh giá thương hiệu, năng lực nhà sản xuất, nhà phân phối

- Kiến thức chuyên ngành, tra cứu, sổ tay kỹ thuật, quy trình vận hành phục vụ các công đoạn sản xuất

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Thông tin và CSDL chuyên ngành Xi măng Việt Nam

📍 Tòa HH2 Bắc Hà, 15 Tố Hữu, Thanh Xuân, Hà Nội

☎ 0905 329 019 ✉ gamma@ximang.vn

🌐 <https://csdl.ximang.vn> - cemdata.vn



Zalo OA hỗ trợ



TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU XI MĂNG - CIDC

Địa chỉ: Tòa nhà HH2 Bắc Hà, số 15 Tố Hữu, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

*Hotline: 0905 329 019

*Email: gamma@ximang.vn

*Zalo OA: Trung tâm Thông tin xi măng Gamma



Mã Zalo hỗ trợ